TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 01 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Dần

2. Bà Khổng Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lăng Đức Lan - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-ST, ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1986; "có mặt";

- Bị đơn: Anh Chảo Văn C, sinh năm 1981; "vắng mặt lần 2, không có lý do";

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên toà chị Dương Thị T trình bầy: Chị và anh Chảo Văn C được cưới hỏi theo phong tục tập quán từ năm 2009, sau đó vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2020 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau,

vợ chồng không có sự động viên chia sẻ, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Hiện tại chị thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chảo Văn C theo quy định.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Dương Văn T1, sinh ngày 24/8/2009, hiện cháu T1 đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chảo Văn C vắng mặt, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương, tại nơi anh C cư trú, tuy nhiên anh C không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về gia đình và anh C đi đâu, làm gì không báo cáo chính quyền địa phương, anh C che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Tại các Biên bản xác minh với trưởng thôn, Tư pháp xã nơi anh C, chị T cư trú phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Dương Thị T và anh Chảo Văn C như sau: Chị Dương Thị T và anh Chảo Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang theo đúng quy định của pháp luật; trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng anh chị đã sống ly thân kể từ năm 2022 cho đến nay, anh chị không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện anh C không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về gia đình và anh C đi đâu, làm gì không báo cáo chính quyền địa phương. Quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu Dương Văn T1, sinh ngày 24/8/2009 hiện nay cháu T1 đang ở cùng với chị T, quá trình ở cùng chị T cháu T1 được chăm lo cuộc sống ăn học đầy đủ hiện cháu T1 đã trên bảy tuổi trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C thì quan điểm của chính quyền xã B là đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của cháu và giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ, do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cung cấp thông tin gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử

đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chị Dương Thị T chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, còn bị đơn anh Chảo Văn C không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị T, chị Dương Thị T được ly hôn với anh Chảo Văn C.

+ Về con chung: Giao cháu Dương Văn T1 sinh ngày 24/8/2009 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Dương Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Chảo Văn C có nơi cư trú tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho anh C theo đúng quy định nhưng anh C vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu ly hôn, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với anh C theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Chảo Văn C vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Chảo Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Chảo Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng anh chị đã sống ly thân kể từ năm 2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa, anh C thỉnh thoảng mới về nhà, anh C đi đâu không thông báo địa chỉ cụ thể cho gia đình và chính quyền xã nơi anh C cư trú, thời gian anh C và chị T sống ly thân đã lâu. Chị T xác định không còn tình cảm với anh C, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị T không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Dương Văn T1 sinh ngày 24/8/2009. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu T1 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị T đang nuôi cháu T1, anh C đi đâu làm gì không thông báo cho chính quyền nơi anh C cư trú và cũng không thông báo cho gia đình, anh C thỉnh thoảng mới về nhà rồi lại đi, ngoài ra quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu T1, cháu T1 có nguyện vọng được ở với chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu T1 và đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của cháu T1, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu T1 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Chảo Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Dương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị T. Chị Dương Thị T được ly hôn anh Chảo Văn C.

2. Về nuôi con chung: Chị Dương Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Văn T1, sinh ngày 24/8/2009 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh C, chị T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0002139, ngày 16/10/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Bằng Hành (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh